

BẢN TIN KỸ THUẬT

TECHNICAL BULLETIN

www.asia-shine.com.vn



Chuyên đề
HEALTHCARE



Số: **02** Năm 2024

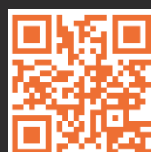


Nội dung phát hành số này:

- 1. Giải pháp bổ sung Calcium – Dạng hòa tan, sinh khả dụng cao** Trang 02
Givocal™/ NSX Isaltis – Pháp
- 2. Hệ bao đường thế hệ mới – Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim** Trang 08
ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrund – Đức
- 3. Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% từ đậu nành** Trang 15
LIPOID GPC 85 F, LIPOID PPL/ NSX LIPOID – Đức
- 4. Giải pháp hô hấp tự nhiên, hiệu quả** Trang 22
Pelaforce™/ NSX Afraceuticals – Nam Phi
- 5. Dinh dưỡng từ quả Cam máu nước Ý - Blood Orange** Trang 26
Monosil™, Red Orange Complex™/ NSX BIONAP – Ý

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH SÁNG CHÂU Á

Trụ sở chính: 338 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2,
Quận Tân Bình, TP. HCM
Văn phòng đại diện: 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa,
Q. Đống Đa, Hà Nội



CALL US NOW!

1900252546

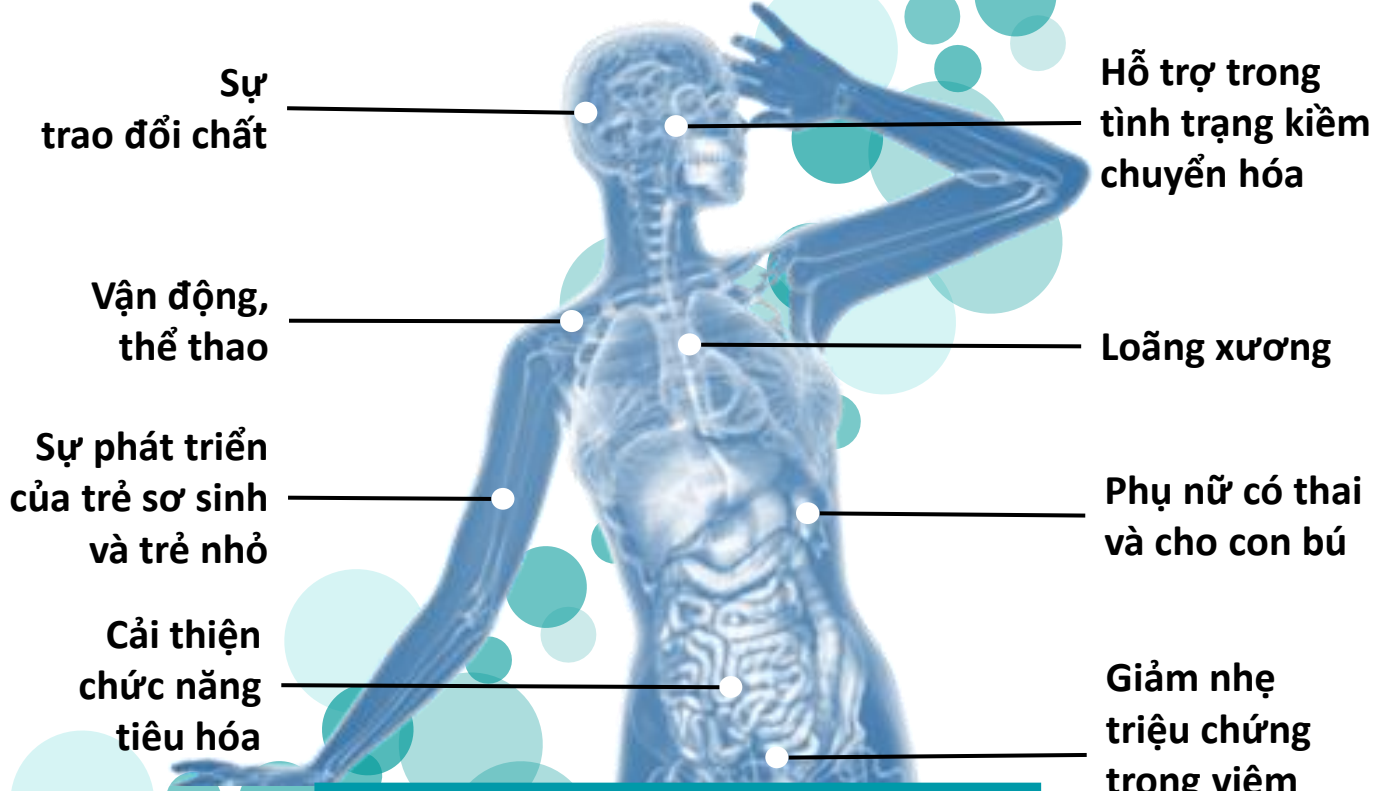
asiashine@asia-shine.com.vn



GIẢI PHÁP BỔ SUNG CALCIUM

Dạng hòa tan, sinh khả dụng cao

CALCIUM, PHOSPHO VÀ GLYCEROL – VAI TRÒ



CALCIUM

PHOSPHO



GLYCEROL

- Sức khỏe xương và răng/ tình trạng loãng xương
- Trao đổi chất và năng lượng
- Phát triển xương ở trẻ em

- Nguồn năng lượng chuyển hóa
1 glycerol = 19 ATP
- Tổng hợp phospholipid
- Tham gia trong cấu tạo màng tế bào, cải thiện quá trình trao đổi chất, phát triển xương ở trẻ em



GIẢI PHÁP BỔ SUNG CALCIUM

Dạng hòa tan, sinh khả dụng cao



DẠNG MUỐI “3 TRONG 1”

Ngoài Calcium, GIVOCAL™ còn đồng thời cung cấp cả thành phần Glycerol và Phospho ở dạng hữu cơ.

LỢI ÍCH NHÂN ĐÔI

Nhờ gốc glycerophosphate, GIVOCAL™ có thêm các đặc tính sinh lý có lợi về mặt trao đổi chất khi so sánh với các muối calcium vô cơ.

SINH KHẢ DỤNG

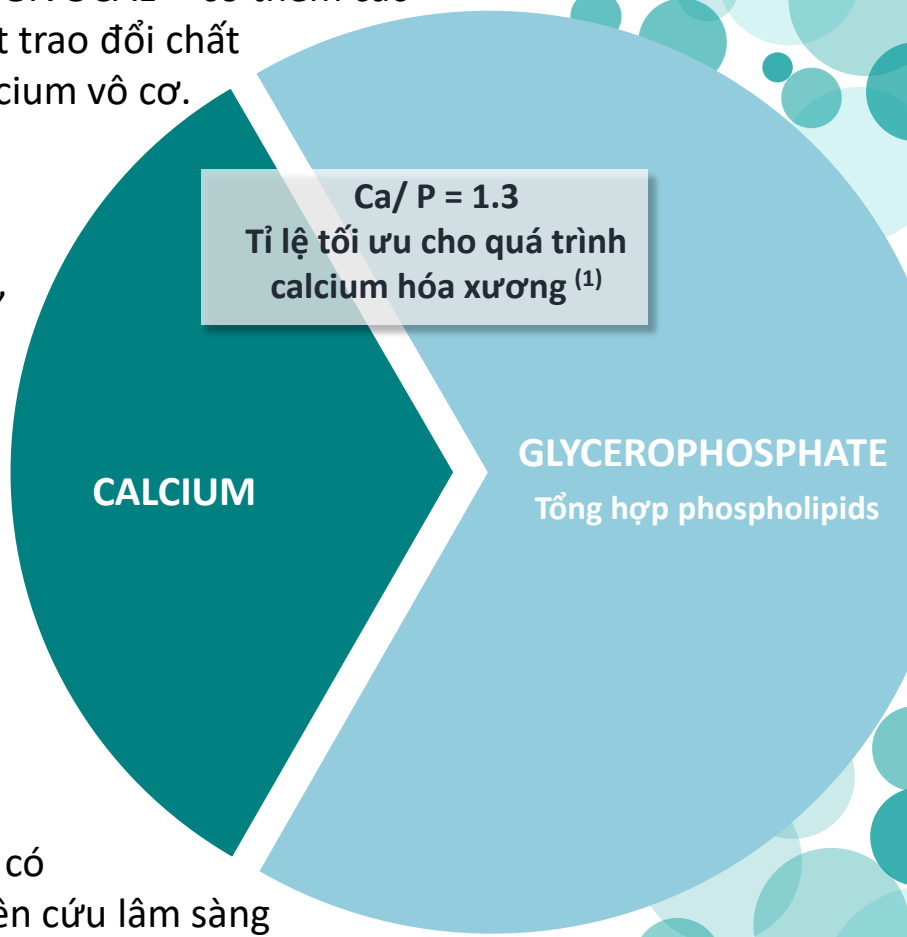
Trong thành phần của thực phẩm bảo vệ sức khỏe, GIVOCAL™ là nguồn calcium có sinh khả dụng cao.

CHELATE

Glycerophosphate còn là vector vận chuyển calcium vào hệ thống tiêu hóa.

BẰNG CHỨNG KHOA HỌC

Calcium Glycerophosphate có độ hấp thu tốt. Một số nghiên cứu lâm sàng cho kết quả khả quan trên sự phát triển của xương và răng.^(1,2)



THÔNG TIN KỸ THUẬT

| | | | |
|-------------------|---|-------------------|----------------|
| Thành phần | Ca/P = 1.3 Hàm lượng Ca 19.1% Hàm lượng P 14.6% | Độ hòa tan | Tan trong nước |
| Vị và Mùi | Trung tính | Nguồn gốc | Châu Âu |
| | | Cung ứng | Ổn định |
| | | Tiêu chuẩn | TPBVSK |



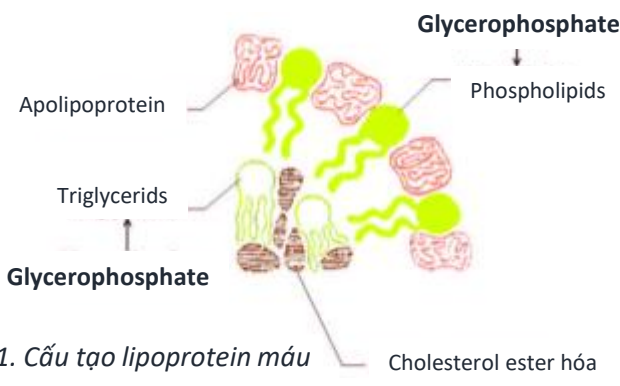
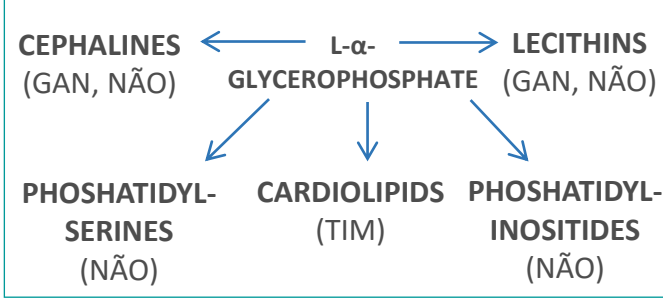
GIVOCAL GIẢI PHÁP BỔ SUNG CALCIUM

Dạng hòa tan, sinh khả dụng cao

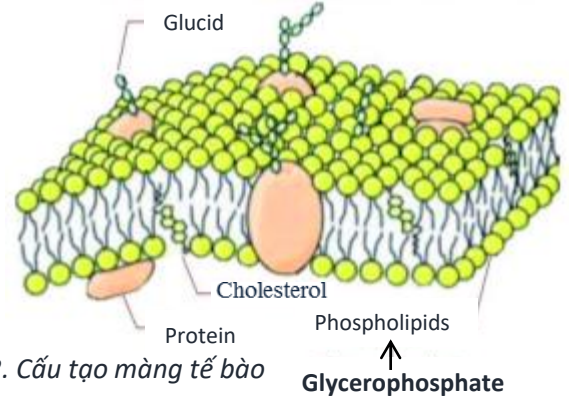


GLYCEROPHOSPHATE – ĐẶC TÍNH SINH HỌC

Glycerophosphate tham gia quá trình tổng hợp phospholipids - là dạng lipid tham gia cấu tạo màng tế bào và các mô của các cơ quan, đặc biệt là các mô não. Những đặc tính trao đổi chất này chứng minh **GIVOCAL™ là nguồn calcium rất hữu ích cho cơ thể.** (1,3,4)



Hình 1.1. Cấu tạo lipoprotein máu



Hình 1.2. Cấu tạo màng tế bào

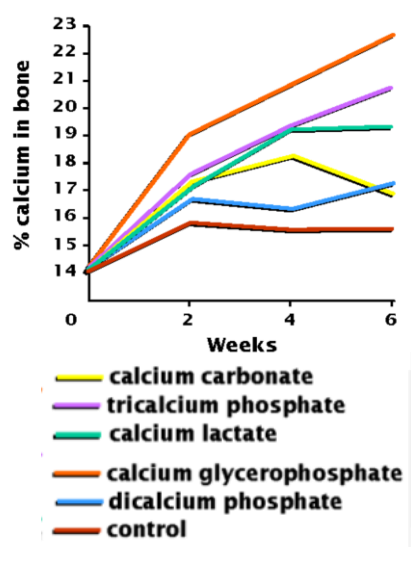
CALCIUM GLYCEROPHOSPHATE – SINH KHẢ DỤNG

Hầu hết các hợp chất calcium đường uống đều hòa tan trong acid dạ dày nhưng được chuyển đổi chủ yếu thành Calcium Carbonate không hòa tan trong tá tràng. Do đó, chỉ có một phần calcium có thể được hấp thu.

Một nghiên cứu về khả năng trung hòa acid được thực hiện trên một số muối calcium cho thấy GIVOCAL™ có **độ hòa tan tốt nhất trong dạ dày** và giữ được độ hòa tan tốt trong môi trường ruột non. (1)

Nghiên cứu *in vitro* thực hiện trên mô hình đường tiêu hóa TIM-1 của phòng thí nghiệm TNO (Hà Lan), GIVOCAL™ cho thấy **sự hấp thu calcium tốt hơn gấp 4 lần** so với Calcium Carbonate. (1)

Một nghiên cứu được thực hiện trên chuột cho thấy **lượng bài tiết calcium của GIVOCAL™ ít hơn** phân nửa so với Calcium Carbonate. Những kết quả này cho thấy GIVOCAL™ có sinh khả dụng cao hơn Calcium Carbonate. (1)



Hình 1.3. Biểu đồ so sánh % calcium trên xương của các muối Calcium



GIẢI PHÁP BỔ SUNG CALCIUM

Dạng hòa tan, sinh khả dụng cao

CALCIUM GLYCEROPHOSPHATE – BẰNG CHỨNG KHOA HỌC



Năm 1989, nghiên cứu *in vitro* bắt chước hệ tiêu hóa trẻ sơ sinh, cho thấy ưu điểm của **Calci Glycerophosphate** so với hỗn hợp “Calci Gluconate + P”.^(5, 6, 7)

Năm 1991, một nghiên cứu cho thấy **Calcium Glycerophosphate** là nguồn cung cấp nguyên tố Calcium và Phospho hiệu quả.⁽⁸⁾

Năm 2000, một sản phẩm ứng dụng **Calci Glycerophosphate** để tăng cường chất lượng sữa được sản xuất thành công. Sử dụng 180-200 ml/ kg/ ngày **sữa tăng cường** sẽ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, giúp trẻ sơ sinh đạt được sự phát triển như mong đợi.⁽⁹⁾

Năm 1998, nghiên cứu của NESTLÉ cho thấy **Calci Glycerophosphate** là nguồn làm giàu dinh dưỡng hiệu quả cho sữa, hàm lượng calcium đạt mức 2000 mg/ L, tương đương với mức làm giàu khoảng 65%.⁽¹⁰⁾ Năm 2017, một nghiên cứu khác cho thấy **Calci Glycerophosphate** trong công thức sữa bột giúp cung cấp protein và chất béo an toàn, hiệu quả dung nạp tốt, cải thiện cân nặng của trẻ thiếu tháng.⁽¹¹⁾ Năm 2018, **NESTLÉ** chính thức sử dụng **Calci Glycerophosphate** trong sản phẩm sữa cho trẻ thiếu tháng (**preNAN®**).

Các nghiên cứu công bố năm 2001 và 2012 chỉ ra rằng **Calcium Glycerophosphate** có hiệu quả làm giảm các triệu chứng cơn đau bàng quang mô kẽ đối với bệnh nhân gặp phải sự gia tăng triệu chứng viêm do ăn thực phẩm có lượng acid cao.^(12, 13)

DS. NGUYỄN ANH MINH

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 1/ Tài liệu NCC ISALTIS.
- 2/ Korenchevsky V, Carr M, “The Effects of Calcium Glycerophosphate, Sodium Glycerophosphate and Sodium Dihydrogen Phosphate upon the Skeleton of Rats kept on a Diet Deficient only in Fat-soluble Factor”, *Biochem J.* 1925;19(1):101–111.
- 3/ Booth FJ, “A water-soluble precursor of choline found in the kidney and other tissues”. *Biochem J.* 1935;29(9):2071–2076.
- 4/ Topp H1, Hochfeld O, Bark S, Grossmann M, Joukhadar C, Westphal M, Straatsma H, Rothenburger M. “Glycerophosphate does not interact with components of parenteral nutrition”, *Pharmacology.* 2011;88(1-2):114-20.
- 5/ Hanning RM1, Mitchell MK, Atkinson SAJ, “In vitro solubility of calcium glycerophosphate versus conventional mineral salts in pediatric parenteral nutrition solutions.”, *Pediatr Gastroenterol Nutr.* 1989 Jul;9(1):67-72.
- 6/ Hanning RM1, Atkinson SA, Whyte RK, “Efficacy of calcium glycerophosphate vs conventional mineral salts for total parenteral nutrition in low-birth-weight infants: a randomized clinical trial” *Am J Clin Nutr.* 1991 Nov;54(5):903-8.
- 7/ Hanning RM *et al.* “In vitro solubility of calcium glycerophosphate versus conventional mineral salts in pediatric parenteral nutrition solutions”, *J Pediatr Gastroenterol Nutr.* 1989, 9(1):67-72.
- 8/ Draper HH1, Yuen DE, Whyte RK, “Calcium glycerophosphate as a source of calcium and phosphorus in total parenteral nutrition solutions.”, *J Parenter Enteral Nutr.* 1991 Mar-Apr;15(2):176-80.
- 9/ Sánchez-Hidalgo, VM *et al.*, “A fortifier comprising protein, vitamins, and calcium-glycerophosphate for preterm human milk.” *Arch Med Res.* 2000, 31(6):564-70.
- 10/ EP0832564A1_Calcium enriched milk, milk beverage or dietary product. (NESTLE S.A) 1998
- 11/ Rigo J, Hascoët JM, Billeaud C, *et al.* “Growth and Nutritional Biomarkers of Preterm Infants Fed a New Powdered Human Milk Fortifier: A Randomized Trial.”, *J Pediatr Gastroenterol Nutr.* 2017;65(4):e83–e93.
- 12/ Friedlander JI1, Shorter B, Moldwin RM, “Diet and its role in interstitial cystitis/bladder pain syndrome (IC/BPS) and comorbid conditions.”, *BJU Int.* 2012 Jun;109(11):1584-91.
- 13/ Bologna R.A, Gomelsky Alek, Lukban J, Tu Le Mai, Holzberg Adam, Whitmore Kristene. “The efficacy of calcium glycerophosphate in the prevention of food-related flares in interstitial cystitis.”, *Urology.* (2001).57. 119-20.



GIẢI PHÁP BỔ SUNG CALCIUM

Dạng hòa tan, sinh khả dụng cao

SẢN PHẨM THAM KHẢO VỚI CALCIUM GLYCEROPHOSPHATE

GIVOCAL



SUPRADYN® VITAL 50+
SUPRADYN® MAGNESIA
SUPRADYN® RICARICA 50+
SUPRADYN® ENERGY

BAYER EUROPE
 VIÊN SỬ
 BỔ SUNG CALCIUM, VITAMIN,
 GIẢM STRESS,
 TĂNG CƯỜNG NĂNG LƯỢNG

MULTICENTRUM BABY
MULTICENTRUM KIDS

HALEON ITALY

GÓI STICK

BỔ SUNG CALCIUM, MAGNESIUM, PHOSPHO
TỪ GLYCEROPHOSPHATE

Multicentrum



Multicentrum

Baby



Multivitaminico studiato
per i più piccoli

Petit CHÊNE



PETIT CHÊNES® CROISSANCE

LES 3 CHÊNES FRANCE

SIRO CHO TRẺ EM, BỔ SUNG CALCIUM VÀ VITAMIN D3, CHẮC KHỎE XƯƠNG,
TĂNG CƯỜNG MIỄN DỊCH



GIẢI PHÁP BỔ SUNG CALCIUM

Dạng hòa tan, sinh khả dụng cao

SẢN PHẨM THAM KHẢO VỚI CALCIUM GLYCEROPHOSPHATE



Prelief
DSE HEALTHCARE USA

CHỮA CALCIUM GLYCEROPHOSPHATE GIÚP TRUNG HÒA ACID GÂY KÍCH ỨNG TRONG THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG TRƯỚC KHI CHÚNG CÓ THỂ GÂY KHÓ CHỊU, LÀM GIẢM TRIỆU CHỨNG TRONG HỘI CHỨNG RUỘT KÍCH THÍCH.

“Được trích dẫn trong nhiều tạp chí y khoa và hướng dẫn điều trị, **Prelief**® là thực phẩm dinh dưỡng y học để kiểm soát chế độ ăn uống trong chứng viêm bàng quang mô kẽ. Dùng **Prelief**® trước khi ăn hoặc uống thực phẩm và đồ uống có tính acid có thể giúp chặn chứng gây đau bàng quang và tiểu gắt.”



ALFARÉ®
PRENAN®
NESTLÉ

SỮA BỘT DÀNH CHO TRẺ DỊ ỨNG VÀ TRẺ SINH NON, THIẾU THÁNG



“Năm 2018, **GIVOCAL™** được chứng minh lâm sàng cho sinh khả dụng tốt trên trẻ nữ nhi.”

NEOCATE®
NUTRICIA

SỮA BỘT CHO TRẺ SƠ SINH
CHẾ PHẨM DẠNG BỘT HOẶC LỎNG DÙNG CHO BỆNH NHÂN PHẪU THUẬT RUỘT, KÉM HẤP THU





Hệ bao đường thế hệ mới

ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrand - Đức

Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim

1. LỊCH SỬ CỦA CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG



1. Thời kỳ đầu (Trước thế kỷ 19)

- **Xuất phát từ Trung Đông:**
 - o Nghệ thuật bao đường có nguồn gốc từ Trung Đông
 - o Các nhà làm kẹo dùng đường để bảo quản trái cây và hạt
- **Phát triển ở châu Âu:**
 - o Công nghệ này sau đó lan rộng sang châu Âu
 - o Ở Pháp và Ý, các loại kẹo bao đường như "Dragées" trở nên phổ biến

2.Thế kỷ 19

- **Bao đường cổ điển:**
 - o Năm 1857, William Warner bao đường bằng cách nhúng viên thuốc vào dịch siro, sau đó làm khô và đánh bóng
- **Năm 1884:**
 - o Sản xuất kẹo "Dragées" bằng nổi bao đường truyền thống



3.Thế kỷ 20

- **Từ năm 1950:**
 - o Bắt đầu được áp dụng trong công nghiệp Dược phẩm (viên nén)
 - o Bao đường trở nên rất phổ biến, đặc biệt trong che vị cho thuốc
- **Đổi mới trong công nghệ:**
 - o Sử dụng các vật liệu khác như polymer tạo lớp phim để cải thiện tính chất của lớp bao



4.Hiện đại

- **Bao phim và bao đường:**
 - o Bao phim trở nên phổ biến hơn với ngành Dược nhờ tối ưu hóa về thời gian và qui trình
 - o Bao đường vẫn duy trì vị thế trong các sản phẩm lâu đời, quen thuộc với bệnh nhân





Hệ bao đường thể hệ mới ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrand - Đức Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim

2. CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG TRUYỀN THỐNG

2.1. TẠI SAO PHẢI BAO ĐƯỜNG?

Bao đường đem lại các lợi ích chính như sau:

- ✓ **Che mùi/ vị đắng:** Loại bỏ mùi vị khó chịu của các thành phần hoạt chất, giúp việc uống thuốc trở nên dễ dàng và thoải mái hơn
- ✓ **Bảo vệ viên nhân:** Che chắn lõi viên nén chứa hoạt chất nhạy cảm khỏi ánh sáng và độ ẩm
- ✓ **Dễ nhận diện:** Giúp phân biệt màu sắc dễ dàng để nhận dạng viên thuốc
- ✓ **Dễ nuốt:** Bề mặt lớp bao trơn hơn, cải thiện sự tuân thủ của bệnh nhân
- ✓ **Tăng tính thẩm mỹ:** Đem lại cảm quan bóng đẹp, đồng đều và thu hút

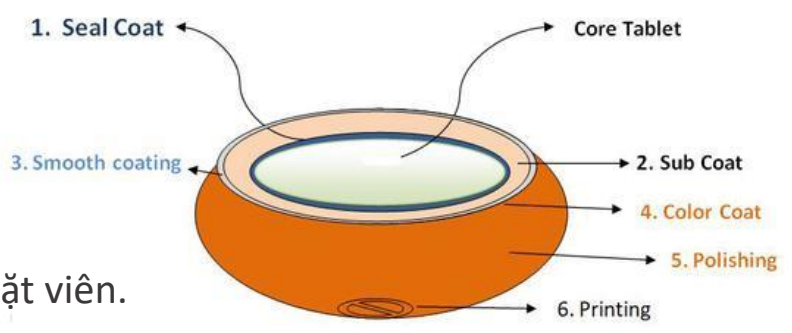
2.2. CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG TRUYỀN THỐNG

Quy trình bao đường trải qua nhiều bước, gồm 6 bước chính:

1. Bao cách ly: Sử dụng tá dược sơ nước (như shellac, zein, hydroxypropyl cellulose, cellulose acetate phthalate) để chống ẩm, tăng độ cứng cho viên.

2. Bao nền: Làm tròn các góc cạnh của viên. Tá dược hay dùng là đường, gôm, calci carbonat, talc, tinh bột.

3. Bao nhẵn: Sử dụng siro nồng độ 60 – 70% làm nhẵn bề mặt viên.



4. Bao màu: Sử dụng màu tan trong nước hoặc không tan trong nước.

5. Bao bóng: Thường dùng các loại parafin, sáp ong, sáp carnauba, zein, PEG,... ở dạng rắn hay dạng dung dịch trong nồi bao hoặc nồi đánh bóng riêng.

6. In ấn logo/ thiết kế (tùy chọn): Sử dụng mực in nhằm mục đích tiếp thị hoặc tăng cường xây dựng thương hiệu.



Hệ bao đường thế hệ mới ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrund - Đức Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim

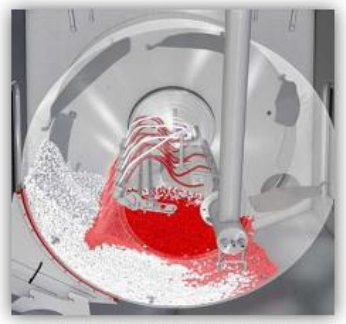
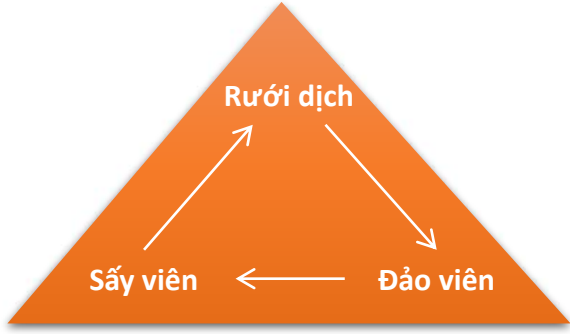
2. CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG TRUYỀN THỐNG

2.3. NHƯỢC ĐIỂM CỦA BAO ĐƯỜNG TRUYỀN THỐNG

Quy trình bao đường truyền thống phải trải qua nhiều bước và bao nhiều lớp. Mỗi lớp đều sử dụng chu trình lặp lại: Rưới dịch – Đảo viên – Sấy viên.



Quy trình thủ công truyền thống, lặp lại nhiều bước



Quy trình tự động, lặp lại nhiều bước



Thời gian bao kéo dài

Phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm và tay nghề của kỹ thuật viên
Sử dụng nhiều nhân công

3. CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG THẾ HỆ MỚI

3.1. ĐỔI MỚI TRONG KỸ THUẬT – HIỆN ĐẠI HÓA QUY TRÌNH

| Giảm bớt | Hướng đến |
|----------------------------------|---|
| Quy trình nhiều bước | Quy trình một bước liên tục |
| Thời gian bao kéo dài | Rút ngắn thời gian bao |
| Phụ thuộc tay nghề kỹ thuật viên | Đễ dàng xử lý bằng thiết bị tự động hóa |
| Tự phối trộn, pha dịch | Hệ phối trộn sẵn |

Nhà sản xuất Biogrund/ Đức tiếp tục các công thức bao đường truyền thống bằng cách cung cấp một giải pháp tự động hóa, rút ngắn thời gian xử lý và giảm thiểu phụ thuộc vào tay nghề kỹ thuật viên trong khi vẫn duy trì những lợi ích và nhận diện thương hiệu của công nghệ bao đường cũ.



Hệ bao đường thế hệ mới

ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrand - Đức

Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim

3. CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG THẾ HỆ MỚI

3.2. ISUPOLISH® FSC – HỆ BAO ĐƯỜNG THẾ HỆ MỚI

SẢN PHẨM

IsuPolish® FSC là giải pháp tiên tiến được phát triển bởi nhà sản xuất **BIOGRUND/ Đức** để cách mạng hóa quy trình bao đường truyền thống.

Hệ bao phim-đường trộn sẵn **IsuPolish® FSC (Film-sugar-coating)** sử dụng **HPMC tạo lớp phủ mỏng cải tiến** do đó có thể sử dụng tốc độ phun cao giúp tăng tốc quá trình sản xuất.

ƯU ĐIỂM

- ✓ Sử dụng được trên thiết bị bao phim thông thường
- ✓ Quy trình **phun sấy** nhanh chóng và **liên tục**, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí sản xuất hơn Quy trình bao đường truyền thống
- ✓ Chứa hàm **lượng chất rắn cao** (22 – 25%)
- ✓ Có 2 dòng đường:
 - **Đường Sucrose** giống các hệ bao đường truyền thống
 - **Đường Isomalt (Sugar-free)** phù hợp cho bệnh nhân tiểu đường hoặc chế độ ăn kiêng đặc biệt
- ✓ Có khả năng che mùi và vị đắng của các thành phần khó chịu
- ✓ Tăng trọng từ 10 – 15% có khả năng chống ẩm cho viên nén
- ✓ Dễ tan trong nước lạnh
- ✓ Kết hợp cả ưu điểm của bao phim và bao đường



Viên bao phim

Viên bao phim-đường với **IsuPolish® FSC**

Viên bao đường



Hệ bao đường thể hệ mới ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrund - Đức Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim

3. CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG THỂ HỆ MỚI

3.2. ISUPOLISH® FSC – HỆ BAO ĐƯỜNG THỂ HỆ MỚI

PHA DỊCH BAO

- Dung môi: nước (nóng hoặc lạnh)
- Nồng độ hỗn dịch bao: tối đa 20 – 25%



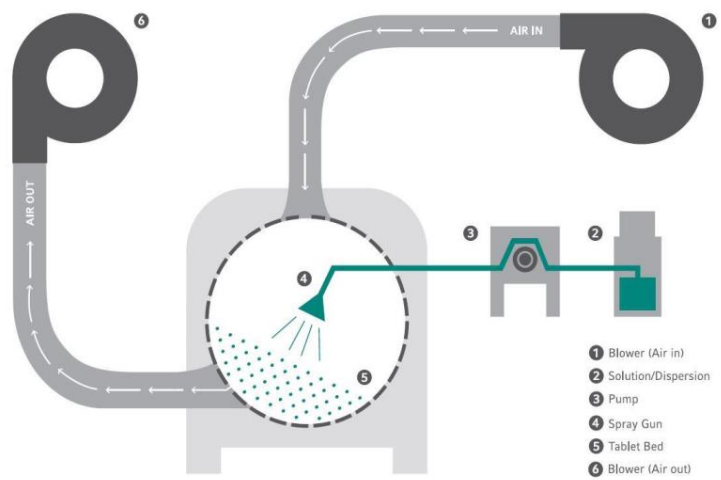
Bước 1: Điều chỉnh tốc độ khuấy để tạo dạng phễu (vortex)

Bước 2: Phân tán từ từ bột IsuPolish® FSC vào xoáy nước, tránh hiện tượng bột nổi lên trên bề mặt. Có thể tăng tốc độ khuấy để tạo xoáy nước mạnh hơn trong trường hợp cần thiết.

Bước 3: Tiếp tục khuấy trong vòng **30 – 45 phút**. Hỗn dịch bao đã sẵn sàng

QUY TRÌNH VÀ THIẾT BỊ

- Thiết bị: Hệ thống bao phim với súng phun thông thường
- Tốc độ phun dịch: Có thể lên đến 4 g/phút (cho 1 KG viên)
- Nhiệt độ viên: 40 – 43°C
- Tăng trọng lượng viên: 10 – 20%





Hệ bao đường thể hệ mới

ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrand - Đức

Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim

3. CÔNG NGHỆ BAO ĐƯỜNG THỂ HỆ MỚI

3.2. ISUPOLISH® FSC – HỆ BAO ĐƯỜNG THỂ HỆ MỚI

ỨNG DỤNG

- Sử dụng được trong Dược phẩm và Thực phẩm.
- Ví dụ tham khảo:
 - **Thách thức:** Cải thiện vẻ ngoài và che vị đắng của hoạt chất trong viên nén gum nhai trong khi giảm thời gian sản xuất so với các phương pháp bao đường truyền thống.
 - **Giải pháp:** Bao đường bằng IsuPolish® FSC trên thiết bị bao phim.
 - **Kết quả:** Tăng sự thẩm mỹ và che vị đắng của sản phẩm, quy trình bao liên tục, tự động hóa và nhanh hơn, giảm chi phí lao động, vận hành an toàn hơn, dễ dàng vệ sinh, lý tưởng cho qui mô công nghiệp.



Viên gum nhai chưa bao



Viên gum nhai bao bằng IsuPolish® FSC tăng trọng 20%

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Tài liệu NSX.



Hệ bao đường thể hệ mới

ISUPOLISH® FSC/ NSX Biogrund - Đức

Quy trình liên tục – Sử dụng thiết bị bao phim

4. NHÀ SẢN XUẤT BIOGRUND/ ĐỨC

BIOGRUND là nhà sản xuất nguyên liệu tá dược hàng đầu đến từ Đức với hơn 20 kinh nghiệm, chuyên cung cấp giải pháp độc đáo và chất lượng cao cho dạng bào chế rắn qua đường uống. **BIOGRUND** chuyên về phát triển các tá dược trộn sẵn (co-processed/ premix) cho giải pháp bao phim, bao đường, dập viên, giải pháp màu... đảm bảo nguyên liệu sẵn sàng sử dụng chỉ trong một bước. Sản phẩm của **BIOGRUND** được ứng dụng trong các ngành dược phẩm, TPBVSK và mỹ phẩm.

Cùng với việc nguồn cung cấp nguyên liệu thô được lựa chọn kỹ càng, **BIOGRUND** chú trọng vào việc tùy chỉnh công thức (tailor made/ customized) để phù hợp với vấn đề của từng khách hàng. Với mạng lưới ngành rộng lớn và liên hệ chặt chẽ với các hiệp hội dược phẩm, hệ thống nhà máy ở Đức và Mỹ đạt chứng nhận EXCiPACT™, IPEC- GMP, ISO 9001, ISO 14001...

BIOGRUND luôn cập nhật với xu hướng mới, phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

BIOGRUND cam kết cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất, đảm bảo mọi nhu cầu của nhà máy sản xuất dược phẩm, thực phẩm, mỹ phẩm đều được đáp ứng một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.

MỘT SỐ ĐỐI TÁC CỦA BIOGRUND:



DS. Phạm Thị Hồng Khánh

Lipoid Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% tự nhiên từ đậu nành

Tiêu chuẩn dược phẩm, sản xuất tại nhà máy EU-GMP

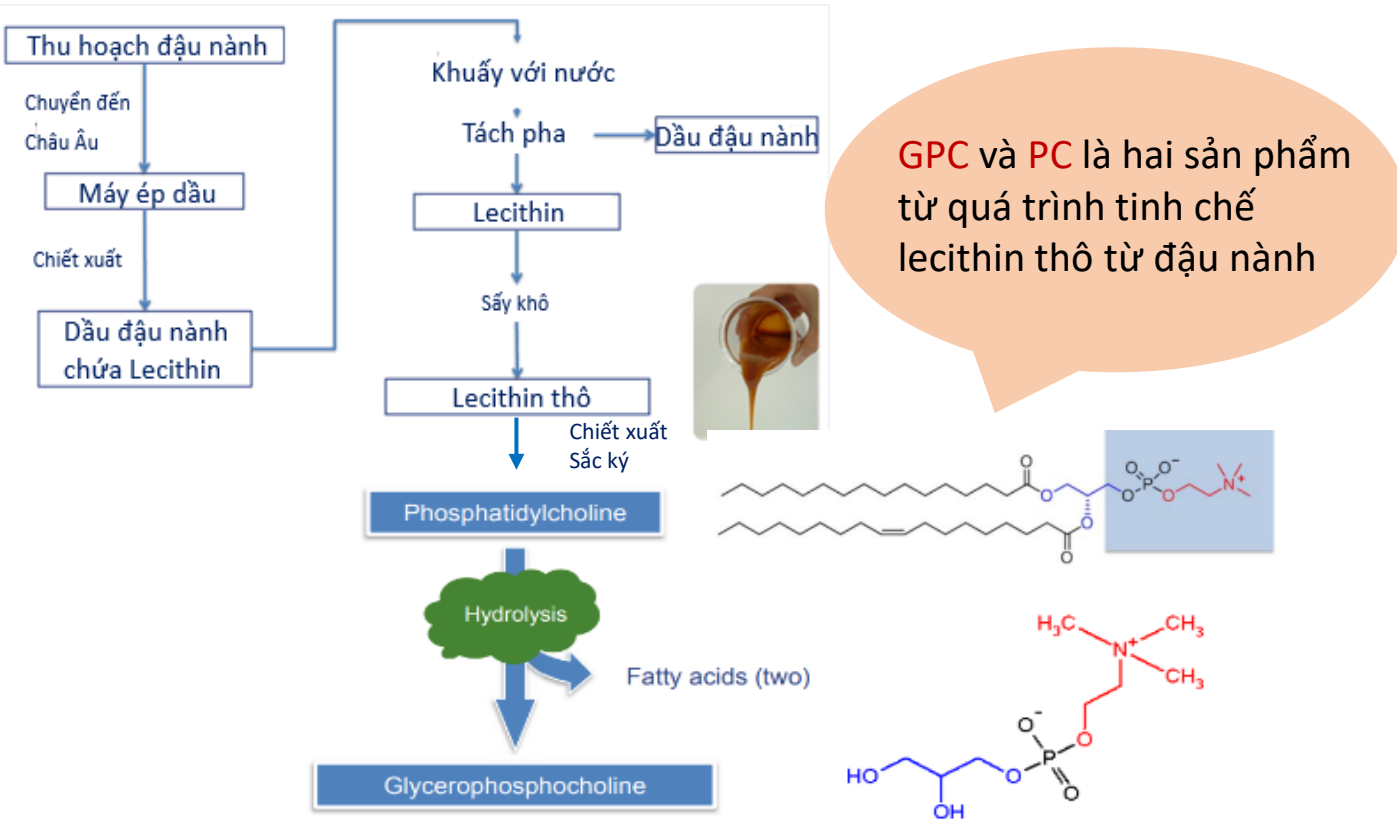
Phospholipids là thành phần thiết yếu của màng tế bào, đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển chất béo, đông máu, hình thành xương và hấp thụ dưỡng chất... Nhờ những đặc tính độc đáo, an toàn và khả năng tương thích sinh học, Phospholipids được ứng dụng phổ biến trong lĩnh vực dược phẩm.

Phosphatidylcholine (PC) trong lecithin có bản chất là Phospholipids, là nguồn cung cấp Choline và acid béo thiết yếu cho cơ thể.

Glycerophosphocholine (GPC) hay **Choline Alfoscerate**, là dẫn xuất của Phospholipids, được chiết xuất từ PC bằng cách loại bỏ đi hai nhánh acid béo.

Quy trình sản xuất Phospholipids 100% tự nhiên của NSX Lipoid /Đức

Lipoid đến từ Đức, là công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển **Phospholipids chiết xuất từ tự nhiên, quy trình sử dụng HPLC** để phân tách, nên không có nhiều tạp chất như trong quy trình tổng hợp. Lipoid có ba nhà máy EU-GMP sản xuất chiết xuất đạt tiêu chuẩn dược.





Lipoid Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% tự nhiên từ đậu nành Tiêu chuẩn dược phẩm, sản xuất tại nhà máy EU-GMP

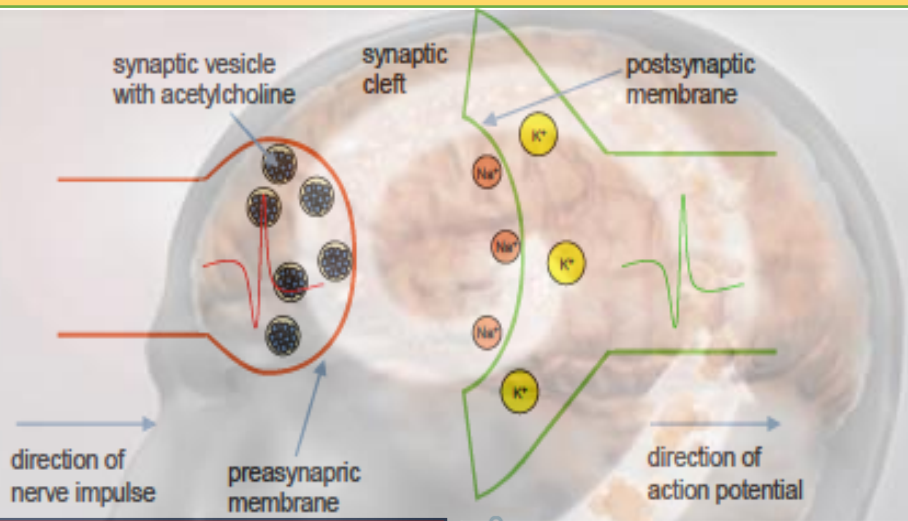
1. Choline Alfoscerate (GPC) – Hoạt chất bổ não từ tự nhiên

1.1. Tầm quan trọng của Choline trong hoạt động của não

Choline đóng vai trò sinh lý quan trọng trong duy trì hoạt động cũng như thực hiện các chức phận của não và các bộ phận khác trong cơ thể. Tuy nhiên chế độ ăn trung bình thường chỉ cung cấp lượng choline hàng ngày ở dưới mức khuyến nghị. Do đó việc bổ sung dưỡng chất này một cách thường xuyên là cần thiết và đem lại lợi ích lâu dài.

1.2. Choline Alfoscerate – Choline tự nhiên có thể vượt qua hàng rào máu não

Choline Alfoscerate dễ dàng vượt qua được hàng rào máu não, giúp tăng cường lưu lượng máu đến não, cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết cho tế bào não và giúp tăng cường sản xuất acetylcholine, một chất dẫn truyền thần kinh đóng vai trò quan trọng đối với trí nhớ⁶.



Tăng cường nhận thức

Tăng khả năng tập trung và gợi nhớ

Chống suy giảm khả năng nhận thức

Tăng sự hồi phục trí não

Chỉ định của Choline Alfoscerate

- Chấn thương sọ não
- Đột quỵ não (nhồi máu, thiếu máu cục bộ, xuất huyết,...)
- Thoái hóa thần kinh (Alzheimer, mất trí nhớ...)⁷

Lipoid Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% tự nhiên từ đậu nành

Tiêu chuẩn dược phẩm, sản xuất tại nhà máy EU-GMP

1.3. Choline Alfoscerate từ NSX LIPOID/ Đức

Lipoid GPC 85 F chứa 85% GPC từ NSX Lipoid/ Đức đáp ứng tiêu chuẩn đường uống, đường tiêm, ở dạng lỏng phù hợp cho nhiều dạng bào chế như viên nang mềm, siro, thuốc tiêm.

Ưu điểm

- ✓ Nguồn gốc hoàn toàn tự nhiên - chiết xuất từ đậu nành, không chứa các tạp như nguồn tổng hợp
- ✓ Tan hoàn toàn trong nước, vị ngọt nhẹ, hấp thu tốt qua hàng rào máu não
- ✓ Nguyên liệu xuất xứ Châu Âu, có thể in trên bao bì:
 “Sản phẩm sử dụng Nguyên liệu nguồn gốc Châu Âu của LIPOID – Đức”.

1.4. Sản phẩm tham khảo trên thị trường

| Brand Name | API | Type of PL | Indication | Company |
|-------------------------|-----------------|-----------------------------------|----------------|-------------------|
| Gliatilin (i.v. / oral) | GPC | Glycerophosphocholine | Brain symptoms | Italpharmaco |
| Noocholin (i.v.) | GPC | Glycerophosphocholine | Brain symptoms | Rompharm |
| Alzheimerin (oral) | GPC | Glycerophosphocholine | Brain symptoms | Phil Inter Pharma |
| Piranulin (oral) | GPC + Piracetam | Glycerophosphocholine | Brain symptoms | Sun Pharma |
| Cereton (i.v. / oral) | GPC | Glycerophosphocholine i.v. / oral | Brain symptoms | Sotex |





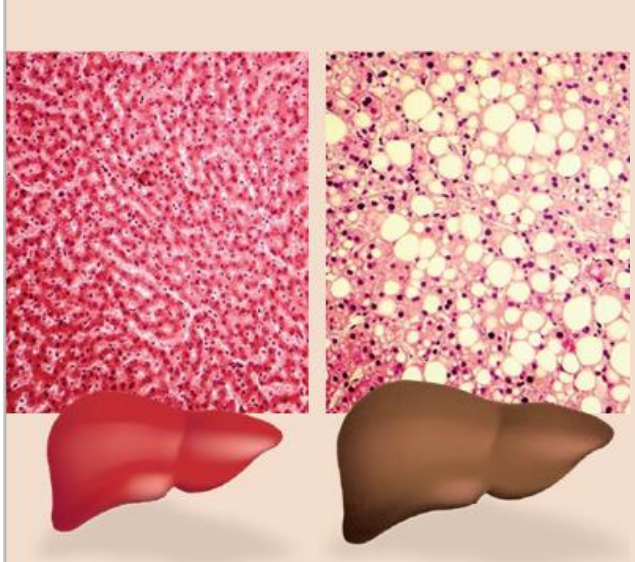
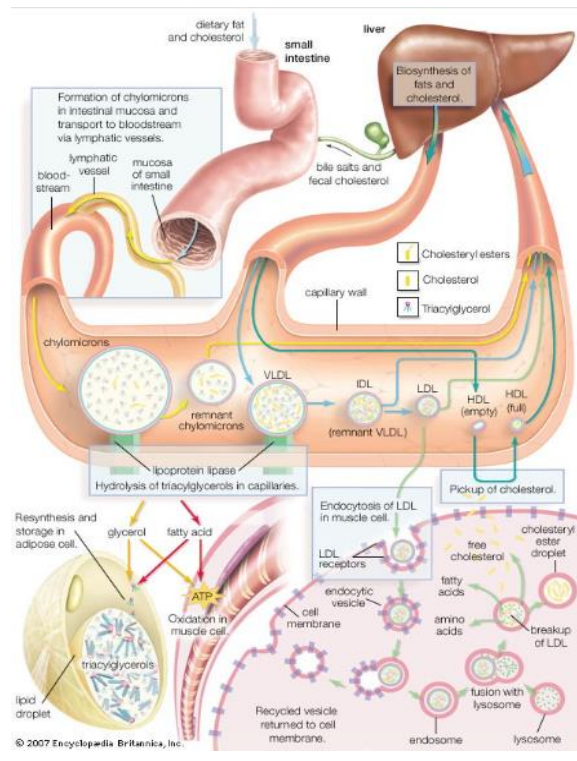
Lipoid Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% tự nhiên từ đậu nành Tiêu chuẩn dược phẩm, sản xuất tại nhà máy EU-GMP

2. Phosphatidylcholine – Hoạt chất bổ gan từ tự nhiên

2.1. Gan – Cơ quan chuyển hóa lipid

Gan là một tạng lớn nhất của cơ thể, vừa có chức năng ngoại tiết, vừa có chức năng nội tiết, vừa là kho dự trữ của nhiều chất, vừa là trung tâm chuyển hóa quan trọng của cơ thể và có tính chất sinh mạng.

Chuyển hóa lipid chủ yếu xảy ra ở gan, gồm một loạt các bước tiêu hóa, hấp thụ, vận chuyển... Tiêu hóa là quá trình phân giải lipid thành các phần nhỏ hơn như monoglyceride nhờ **enzyme lipase**. Sau khi được phân giải, acid béo tự do cùng monoglyceride và cholesterol sẽ được “đóng gói” lại trong một cấu trúc “micell” để lớp biểu mô ruột có thể dễ dàng hấp thụ. Sau khi đi vào ruột, chúng giải phóng ra acid béo tự do và monoglyceride để cơ thể tái tổ hợp lại thành triglyceride. Triglyceride và cholesterol tiếp tục được “đóng gói” vào chylomicron, sẵn sàng để vận chuyển lipid qua hệ tuần hoàn đến tế bào mỡ và các mô khác trong cơ thể³.



Khi chức năng gan suy giảm, rối loạn chuyển hóa lipid như khi giảm oxi hóa acid béo (trong trường hợp nghiện rượu), tăng tổng hợp acid béo kèm theo giảm thoái hóa triglyceride thành acid béo và glycerol đều có thể dẫn tới tình trạng **gan nhiễm mỡ**¹. Đây là **bệnh gan mạn tính phổ biến nhất ở các nước công nghiệp**, với tỷ lệ ngày càng tăng.

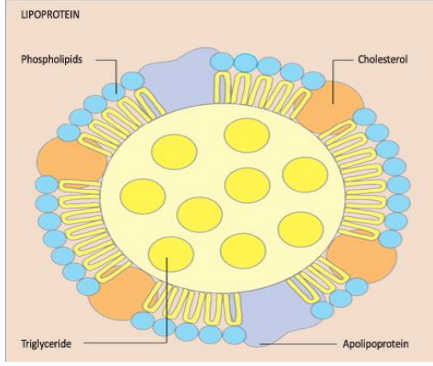
Lipoid Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% tự nhiên từ đậu nành

Tiêu chuẩn dược phẩm, sản xuất tại nhà máy EU-GMP

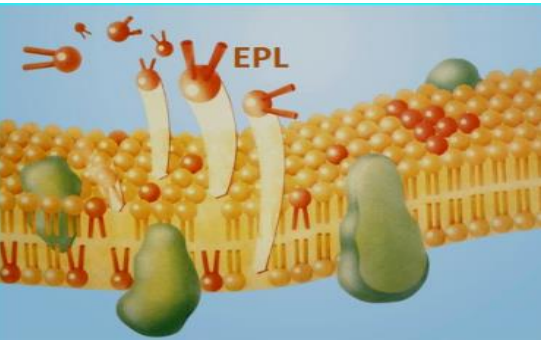
2.2. Cơ chế tác dụng của Phospholipids trên gan

Vì chất béo và cholesterol không thể hòa tan được trong nước, nên chúng cần được vận chuyển trong máu bởi các protein đặc biệt gọi là lipoprotein.

Phosphatidylcholine (PC) chiết xuất từ đậu nành có bản chất là **Phospholipids**, là thành phần thiết yếu của màng tế bào và lipoprotein, **hỗ trợ chức năng gan trong vai trò chuyển hóa chất béo** của cơ thể.



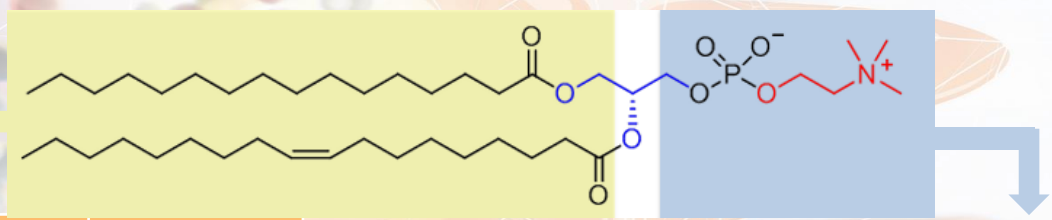
Việc sử dụng PC giúp điều hòa nồng độ lipoprotein cũng như cholesterol và triglycerid⁵. Do đó, chế độ ăn uống và bổ sung PC giúp hỗ trợ chức năng gan một cách tự nhiên.



Rượu hoặc chế độ ăn nhiều chất béo có thể gây tổn thương tế bào gan, gây suy giảm chức năng gan. **Phospholipids từ đậu nành** với hàm lượng **73 đến 79% PC** được công nhận là **hoạt chất bảo vệ gan**, theo chuyên luận **German Federal Law Gazette, 1994**.

Ngoài ra, **PC** còn là nguồn **cung cấp acid béo thiết yếu, choline an toàn** mà không gây ra các bệnh tim mạch cho cơ thể⁴.

Cấu trúc Phospholipids



| Acid béo | Hàm lượng |
|----------------------------|-------------|
| C16:0 palmitic acid | 12.9 |
| C18:0 stearic acid | 4.4 |
| C18:1 oleic acid | 10.5 |
| C18:2 linoleic acid | 66.5 |
| C18:3 linoleic acid | 5.7 |

Choline Alfoscerate (GPC)

Choline



Lipoid Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% tự nhiên từ đậu nành







Tiêu chuẩn dược phẩm, sản xuất tại nhà máy EU-GMP







2.3. Phospholipids thiết yếu từ NSX Lipoid/ Đức




LIPOID là NSX lớn nhất và có kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực cung cấp Phospholipids từ tự nhiên, được công nhận là hoạt chất bảo vệ gan.

LIPOID cung cấp nhiều loại nguyên liệu thô Phospholipids hoặc bán thành phẩm giàu phosphatidylcholine. Nguyên liệu này có thể sản xuất các dạng bào chế điển hình như: viên nang cứng hoặc viên nang mềm.

Ngoài ra, Phospholipids do LIPOID cung cấp có thể kết hợp với các chất bảo vệ gan khác, ví dụ như chiết xuất thực vật và phát triển các dạng bào chế dạng dung dịch lỏng mới, ví dụ như thuốc tiêm¹.

| ĐẬU NÀNH | | | |
|----------------|--|---|---|
| SẢN PHẨM | MÔ TẢ | ỨNG DỤNG | CẢM QUAN |
| PHOSAL® 75 SA | Phosphatidylcholine (≥ 72.0 %) trong dầu hạt hồng hoa (safflower seed oil) |  |  |
| LIPOID PPL-400 | Công thức dạng sáp trong acid béo bão hòa và dầu đậu nành phosphatidylcholine (≥ 53.0 %) |  |  |
| LIPOID PPL-600 | Công thức dạng lỏng trong dầu MCT, giàu phosphatidylcholine (≥ 35.0 %) |  |  |

| HƯƠNG DƯƠNG | | | |
|-----------------|--|---|---|
| SẢN PHẨM | MÔ TẢ | ỨNG DỤNG | CẢM QUAN |
| LIPOID H 90 | Phosphatidylcholine (≥ 90 %), agglomerates |  |  |
| PHOSAL® H 50 | Phosphatidylcholine (≥ 50 %) trong dầu hương dương |  |  |
| PHOSAL®Curcumin | Phosphatidylcholine (≥ 50 %) và curcuminoids (7 %) trong dầu MCT |  |  |

 Viên nang cứng
 Viên nang mềm  Dung dịch

Lipoid Lợi ích sức khỏe trên não, gan của chiết xuất 100% tự nhiên từ đậu nành Tiêu chuẩn dược phẩm, sản xuất tại nhà máy EU-GMP

2.4. Phospholipids của nhà sản xuất Lipoid

- Nguồn gốc tự nhiên - **chiết xuất từ đậu nành**, được tinh khiết hóa bằng công nghệ độc quyền.
- Nguyên liệu có **US-DMF**
- Ở dạng tự nhiên, **chưa bão hòa, dung nạp tốt**, chuyển hóa nhanh và hoàn toàn.
- Nguyên liệu có xuất xứ Châu Âu, nhà sản xuất có thể in trên bao bì: **“Sản phẩm sử dụng Nguyên liệu nguồn gốc Châu Âu của LIPOID – Đức”**

BẢO VỆ GAN

CHUYỂN HÓA CHẤT BÉO

CUNG CẤP CHOLINE

Phospholipids chưa bão hòa với hàm lượng PC cao là giải pháp dược liệu an toàn từ tự nhiên cho lá gan khỏe mạnh.

Sản phẩm tham khảo



LIVOLIN FORTE
NSX MEGA We care
Hoạt chất: 300 mg
Essential Phospholipids



ESSENTIALE FORTE
NSX Sanofi
Hoạt chất: 300 mg
Essential Phospholipids



VIHACAPS 600
NSX Miniskintercaps
Hoạt chất: 600 mg
Essential Phospholipids

Tài liệu tham khảo

1. Tài liệu NSX Lipoid
2. Hóa sinh lâm sàng, Trường Đại học Dược Hà Nội
3. The Science of Healthy Fats, Will Little.
4. Trimethylamine-N-oxide (TMAO) predicts cardiovascular mortality in peripheral artery disease. Scientific Reports, 9, 15580 (2019).
5. Health effects of dietary Phospholipids. Lipids in Health and Disease, 11, 1 – 16 (2012)
6. The transport of choline. Drug Development and Industrial Pharmacy, 28, 749–771
7. Alpha-Choline Alfoscerate in the mental recovery of cerebral ischemic attacks: An Italian multicenter clinical trial. Ann

DS. Bùi Thị Thu Trang

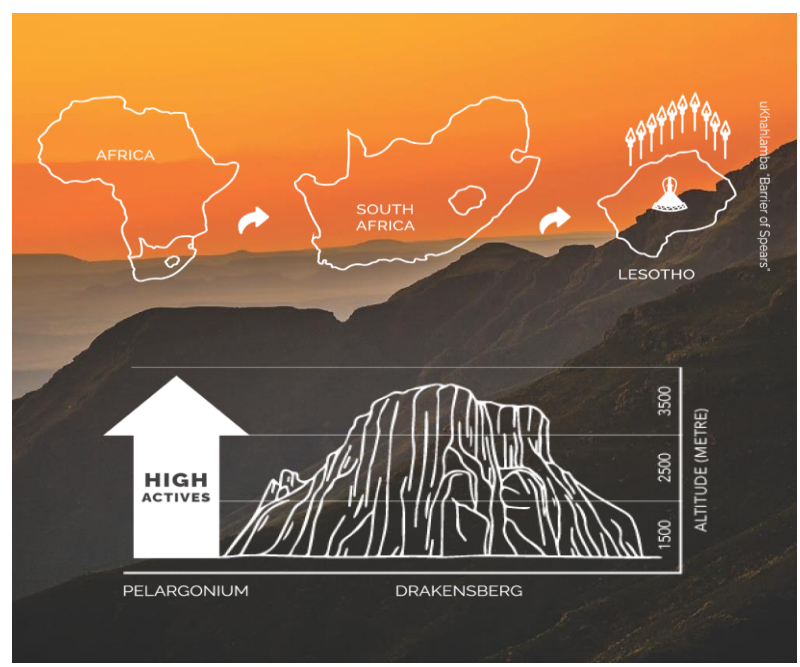


PELAFORCE

GIẢI PHÁP HÔ HẤP TỰ NHIÊN, HIỆU QUẢ

GIỚI THIỆU CHUNG

Pelargonium sidoides hay **Thiên trúc quỳ** là loại thực vật chủ yếu được tìm thấy ở tỉnh Eastern Cape của Nam Phi và vùng cao nguyên Lesotho. Đây là một trong những loài dược liệu đầu tiên được ghi nhận bởi những nhà thám hiểm đầu tiên như Van der Stel (1685) và Thunberg (1773).



Hình 1: Hình ảnh minh họa về *Pelargonium sidoides* và vùng phân bố thực vật

Pelargonium sidoides nổi bật với cánh hoa sẫm màu, củ và thân rễ có màu đỏ tươi, được sử dụng rộng rãi như một loại thuốc cổ truyền Nam Phi cho tác dụng trên tiêu hóa và hô hấp với rất nhiều bằng chứng khoa học.





PELAFORCE là chiết xuất chuẩn hóa *Perlagonium sidoides* từ NSX Afraceutical – Nam Phi, đạt tiêu chuẩn chất lượng dược phẩm.



PELAFORCE

GIẢI PHÁP HÔ HẤP TỰ NHIÊN, HIỆU QUẢ

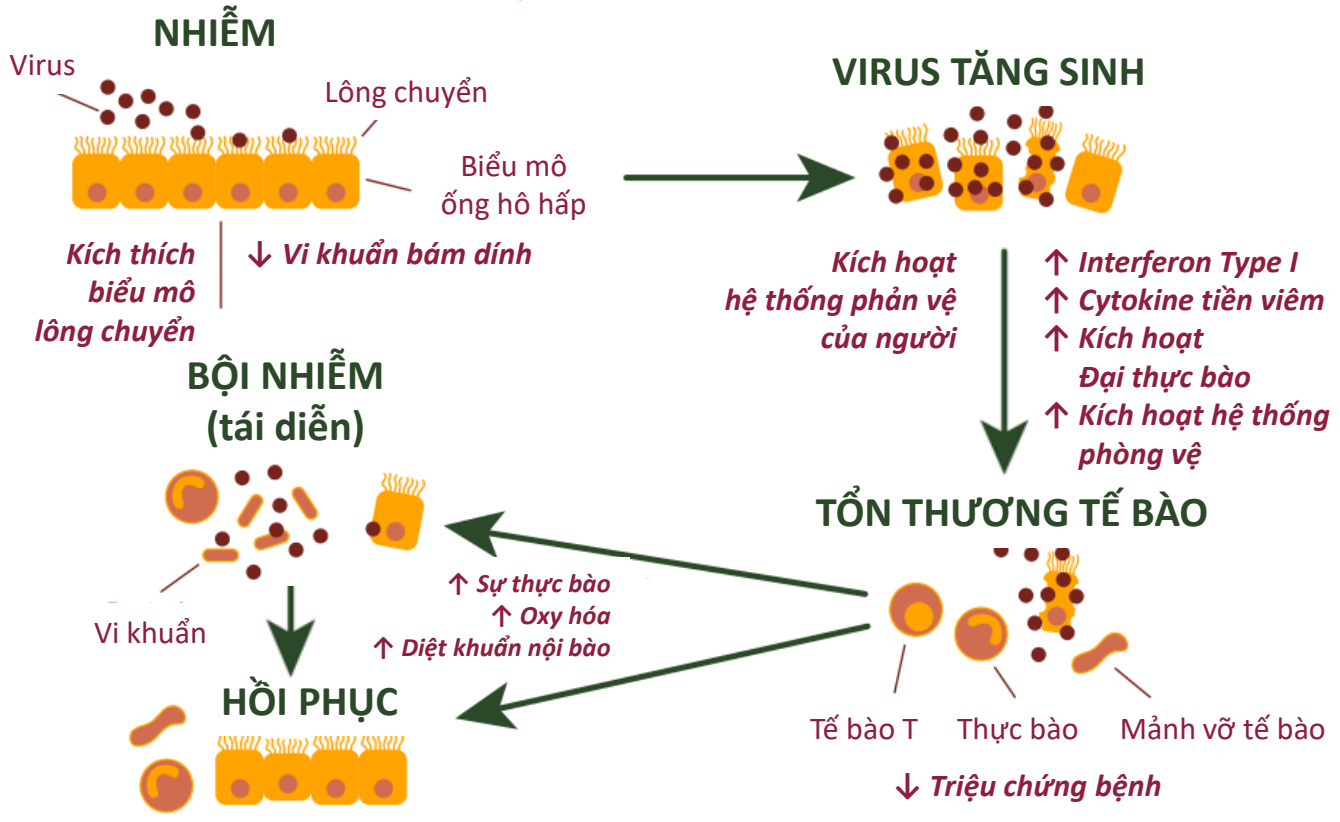
TÁC DỤNG VÀ CƠ CHẾ TÁC DỤNG CỦA CHIẾT XUẤT THIÊN TRÚC QUỖ

| 4 TÁC DỤNG |  KHÁNG VIRUS |  KHÁNG VI KHUẨN |  LONG ĐỜM & TIÊU NHẦY |  ĐIỀU HÒA MIỄN DỊCH |
|-------------------|---|---|---|---|
| TÓM TẮT | <p><i>P.sidooides</i> ngăn chặn virus bám vào tế bào và nhân rộng bằng cách bao phủ bảo vệ đường hô hấp.</p> | <p><i>P.sidooides</i> kích thích bạch cầu tấn công vi khuẩn và bao bọc đường hô hấp, ngăn chặn sự bám dính với tế bào khỏe mạnh.</p> | <p><i>P.sidooides</i> làm loãng chất nhầy, giúp chất nhầy dễ được loại bỏ, giảm mèm bệnh trong cơ thể.</p> | <p><i>P.sidooides</i> giúp tăng cường và cân bằng hệ thống miễn dịch, ngăn cản đáp ứng miễn dịch quá mức có thể có hại cho cơ thể.</p> |
| CHI TIẾT TÁC DỤNG | <ul style="list-style-type: none"> <i>P.sidooides</i> kích thích sản xuất defensin giúp ngăn virus xâm nhập, nhân lên. <i>P.sidooides</i> kích hoạt tế bào NK và T cells tiêu diệt tế bào đã bị nhiễm bệnh và ngăn cản sự lây lan. <i>P.sidooides</i> kích thích cơ thể sản sinh interferon - protein truyền tín hiệu ngăn cản virus nhân lên. | <ul style="list-style-type: none"> <i>P.sidooides</i> kích thích sản xuất defensin và ức chế vi khuẩn bám dính với tế bào niêm mạc. <i>P.sidooides</i> kích hoạt đại thực bào diệt vi khuẩn và ngăn nhiễm trùng thứ cấp hình thành trong chất nhầy. | <ul style="list-style-type: none"> <i>P.sidooides</i> phá vỡ các liên kết chất nhầy, nhờ đó chất nhầy được đẩy ra ngoài. <i>P.sidooides</i> kích thích sự chuyển động của tế bào lên 40%, tạo điều kiện cho chất nhầy dễ được đẩy ra ngoài hơn. | <ul style="list-style-type: none"> <i>P.sidooides</i> điều hòa hệ thống miễn dịch không phản ứng quá mức. <i>P.sidooides</i> chứa flavonoid có tác dụng chống viêm. Hoạt chất "umckalin" trong <i>P.sidooides</i> có tác dụng điều hòa hoạt động miễn dịch của cơ thể. |

PELAFORCE

GIẢI PHÁP HÔ HẤP TỰ NHIÊN, HIỆU QUẢ

TÁC DỤNG VÀ CƠ CHẾ TÁC DỤNG CỦA CHIẾT XUẤT THIÊN TRÚC QUỲ

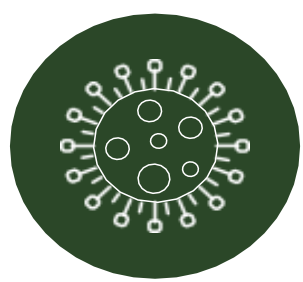


MỘT SỐ NGHIÊN CỨU NỔI BẬT VỀ THIÊN TRÚC QUỲ



200%

P.sidoides giúp tăng khả năng chống virus lên đến 200 lần. (1)



10 FOLD

P.sidoides tăng khả năng chống Corona Virus 10 lần. (2)



33%

P.sidoides giúp tăng loại bỏ chất nhầy lên 33%. (3)



PELAFORCE

GIẢI PHÁP HÔ HẤP TỰ NHIÊN, HIỆU QUẢ

LIỀU DÙNG, ỨNG DỤNG VÀ ƯU ĐIỂM CỦA PELAFORCE

Không gây buồn ngủ



Quy trình sản xuất hiện đại



Hơn 1 tỷ liều thuốc được sử dụng hàng ngày.



Nghiên cứu lâm sàng trên 10000 bệnh nhân



Phù hợp cho bệnh nhi từ 1 tuổi



An toàn



Không tương tác thuốc



LIỀU DÙNG THEO NGUYÊN LIỆU

LIỀU DÙNG THEO DẠNG BÀO CHẾ

| TUỔI | PELAFORCE™ EMA1170™ | NHỎ GIỌT | SYRUP |
|--------|---------------------|----------|--------|
| 1 – 6 | 6.5 mg x 3 lần/ngày | 10 giọt | 2.5 mL |
| 6 – 12 | 13 mg x 3 lần/ngày | 20 giọt | 5.0 mL |
| > 12 | 20 mg x 3 lần/ngày | 30 giọt | 7.5 mL |



Nang cứng



Nang mềm



Viên nén



Thuốc gói



Syrup



Kẹo dẻo



Viên sủi



SẢN PHẨM THAM CHIẾU



| | | |
|--------------------|--------------------------|---------------------------------|
| Kaloba Tablet 20mg | Kaloba syrup 250mg/100mL | Kaloba Syrup for kid 80mg/100mL |
|--------------------|--------------------------|---------------------------------|

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- (1): Phytomedicine 10 (2003), Supplement IV, pp. 18–24.
- (2): Phytomedicine 12 (2005) 46–51.
- (3) Phytomedicine, Volume 18, Issue 5, 15 March 2011, Pages 384-386.

DS. Trần Hương Ly



BLOOD ORANGE

Dinh dưỡng từ quả Cam máu nước Ý

Blood Orange, còn được biết đến với tên gọi "Arancia Rossa di Sicilia", là một loại trái cây đặc biệt có nguồn gốc từ vùng Sicily, Ý. Được trồng chủ yếu trong các thung lũng màu mỡ dưới chân núi Etna, Blood Orange nổi bật với màu sắc đỏ tươi và hương vị độc đáo, khác biệt so với các loại cam thông thường. [1][2]



Blood Oranges have

3x

the Polyphenols of Navel Oranges



=



Blood Oranges have

9x

the Antioxidant capacity of Navel Oranges



=



Blood Orange – Nhiều lợi ích dinh dưỡng hơn một quả cam!

Blood Orange xuất phát từ vùng Địa Trung Hải và đã được trồng ở Sicily từ hàng trăm năm nay. Vùng này được coi là quê hương lý tưởng của loại cam này do điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng đặc biệt. Khí hậu ở Sicily, đặc biệt là khu vực xung quanh núi Etna, có những đặc điểm rất độc đáo. Mùa đông ôn hòa và mùa hè nóng bức, kết hợp với việc chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm đáng kể, tạo điều kiện lý tưởng cho sự phát triển của cam máu. [1]

Đặc biệt, đất núi lửa giàu khoáng chất từ Etna cung cấp một môi trường dinh dưỡng tuyệt vời tạo nên hàm lượng hoạt chất giàu yếu tố chống oxy hóa như Anthocyanin và Vitamin C. [1] [2]







BLOOD ORANGE


Dinh dưỡng từ quả Cam máu nước Ý




1. MOROSIL – GIẢI PHÁP GIẢM MỠ TỪ BLOOD ORANGE

 **Morosil** là bột chiết xuất được chuẩn hóa từ nước ép của giống cam máu được trồng độc quyền tại khu vực xung quanh núi lửa Mount Etna, Sicily từ **NSX BIONAP** nước Ý. [3]

 **Morosil** chứa hàm lượng cao các hợp chất chống oxy hóa tự nhiên như Anthocyanin, Flavonoids, Acid hydroxycinnamic và Vitamin C, được chứng minh có những lợi ích thông qua nhiều nghiên cứu. [3]

 Nhờ cơ chế hiệp đồng của các nhóm polyphenol có trong chiết xuất cam máu Moro, **Morosil** có thể được sử dụng trong việc kiểm soát cân nặng và tác động lên sự tích tụ chất béo, kiểm soát mỡ nội tạng cơ thể. [3]

|  COMPOSITION | MOROSIL™ % (W/W) |
|--|---------------------|
| Anthocyanins | 0.8 - 0.9 |
| Flavanoids | 2 - 2.2 |
| Hydroxycinnamic acids | 0.8 - 1.0 |
| Ascorbic acid | 4.3 - 4.5 |

Hình 1.1: Hàm lượng hoạt chất Morosil



- Kiểm soát cân nặng
- Giảm BMI – cân bằng thể chất
- Giảm số đo các vòng hông – vòng eo
- Giảm mỡ nội tạng
- Cải thiện hệ thống chống oxy hóa cơ thể



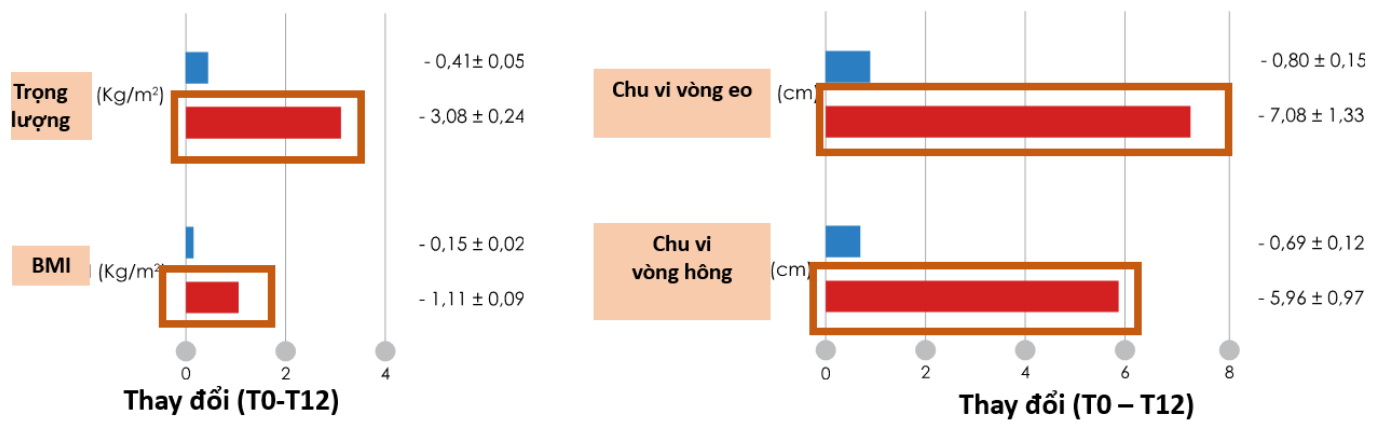


BLOOD ORANGE

Dinh dưỡng từ quả Cam máu nước Ý

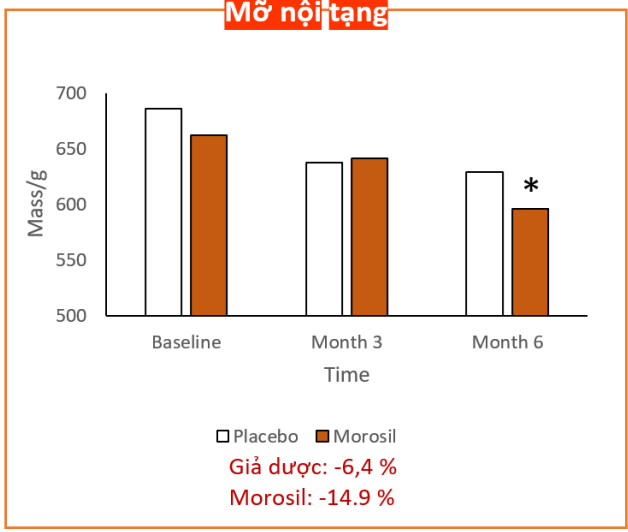
1. MOROSIL – GIẢI PHÁP GIẢM MỠ TỪ BLOOD ORANGE

Thay đổi (Tuần 0 – Tuần 12)

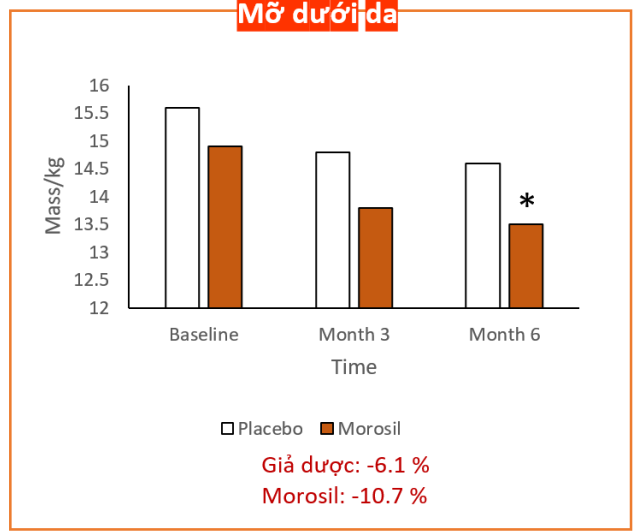


Hình 1.2: Kết quả nghiên cứu lâm sàng với 60 người thừa cân trong 12 tuần

Mỡ nội tạng



Mỡ dưới da



Hình 1.3: Kết quả nghiên cứu lâm sàng với 102 người thừa cân trong 12 tuần



Hình 1.4: Sản phẩm tham khảo XS ISNITE của Amway



BLOOD ORANGE

Dinh dưỡng từ quả Cam máu nước Ý

2. RED ORANGE COMPLEX – GIẢI PHÁP CHỐNG NẮNG

- Red Orange Complex** là bột chiết xuất được chuẩn hóa, thu được từ nước ép của ba giống cam Moro, Tarocco và Sanguinello của Blood Orange từ **NSX BIONAP** nước Ý [4]
- Chiết xuất **Red Orange Complex** chứa hàm lượng cao các hợp chất tự nhiên chống oxy hóa như flavonoid (anthocyanin, flavones, acid hydroxycinnamic) và acid ascorbic (vitamin C) [4]

| COMPOSITION | RED ORANGE COMPLEX™ % (W/W) |
|---|-----------------------------|
| Anthocyanins (cyanidin-3-glucoside) | 2.8 - 3.2 |
| Hydroxycinnamic acids (caffeic, cumaric, ferulic, sinapic acid) | 1.8 - 2.2 |
| Flavonones (hesperidin, narirutin) | 8.5 - 9.5 |
| Ascorbic acid | 5.5 - 6.5 |



REDORANGE COMPLEX™

Giảm Stress Oxy hóa bằng việc cải thiện hệ thống chống oxy hóa nội sinh



Bảo vệ da khỏi tia UV, giúp duy trì làn da khỏe mạnh



- Giảm Stress Oxy hóa
- Cải thiện nồng độ Glutathione nội sinh
- Giảm sạm da, tăng sắc tố da bởi UV
- Giảm nếp nhăn, chống lão hóa da

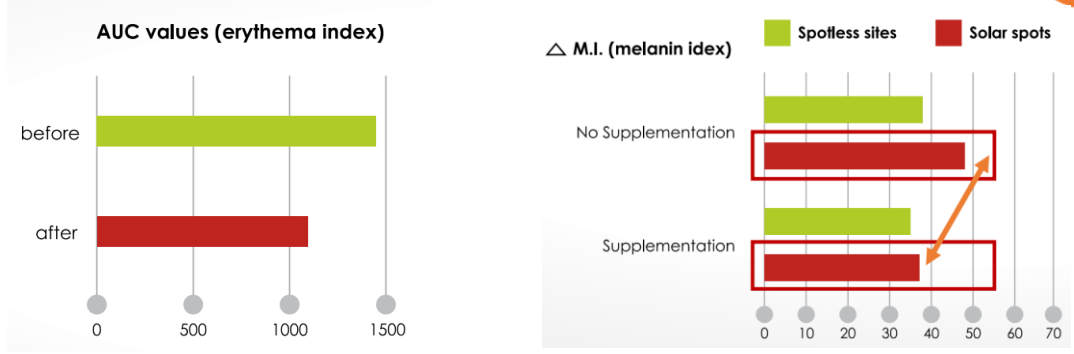




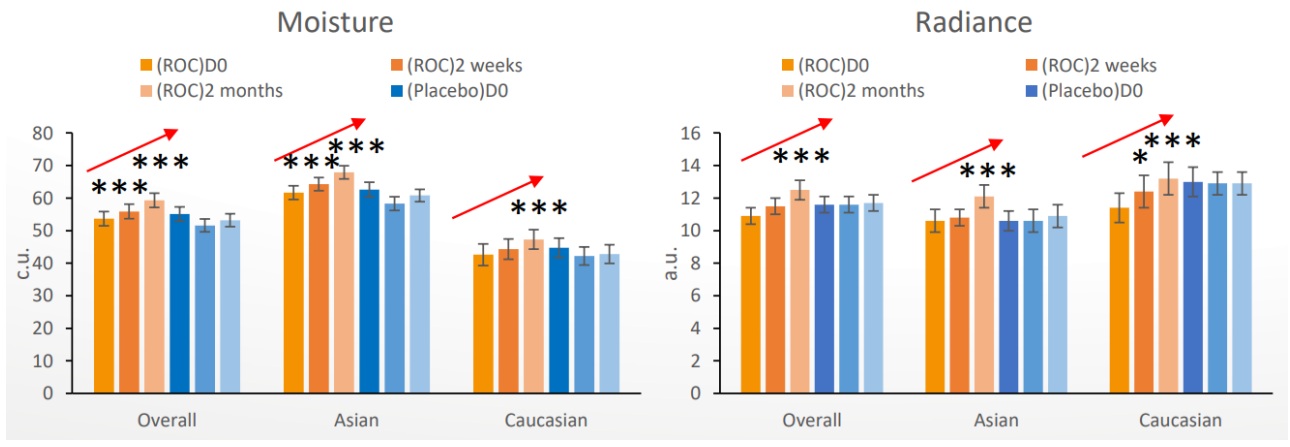
BLOOD ORANGE

Dinh dưỡng từ quả Cam máu nước Ý

2. RED ORANGE COMPLEX – GIẢI PHÁP CHỐNG NẮNG



Hình 1.5: Hiệu quả giảm sạm da và giảm Melanin khi tiếp xúc tia UV



Hình 1.6: Kết quả NCLS hiệu quả trên dưỡng ẩm (trái), sáng da (phải)



Hình 1.7: Một số sản phẩm tham khảo nổi tiếng từ Nuskin Ageloc, HydraLyft, Kordel's UV Shield

DS. Kiều Trọng Nghĩa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- <https://www.italia.it/en/sicily/things-to-do/sicilian-blood-oranges>
- <https://www.bmtfoods.com/sicilian-blood-oranges-a-unique-citrus-product-and-what-to-expect-this-season/>
- <https://redorangecomplex.bionap.com/>
- <http://morosil.bionap.com>

BẢN TIN KỸ THUẬT

TECHNICAL BULLETIN

Chuyên đề

HEALTHCARE



Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Quý Độc Giả đối với Bản Tin Kỹ Thuật Dược Phẩm của Asia Shine (Ánh Sáng Châu Á).

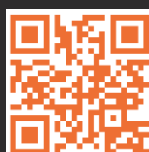
Chúng tôi rất hoan nghênh sự đóng góp chân tình của Quý Độc Giả để sản phẩm ngày càng hoàn thiện hơn. Mọi phản hồi xin gửi về email asiashine@asia-shine.com.vn hoặc hotline 1900252546.

Thank you

CÔNG TY CỔ PHẦN ÁNH SÁNG CHÂU Á

Trụ sở chính: 338 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2,
Quận Tân Bình, TP. HCM

Văn phòng đại diện: 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa,
Q. Đống Đa, Hà Nội



CALL US NOW!

1900252546

asiashine@asia-shine.com.vn